

Ban Điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư kết hợp các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các địa phương tiến hành rà soát lại quy hoạch phát triển trên toàn địa bàn một cách thiết thực và có hiệu lực cao. Trước hết tập trung sức rà soát lại quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng kinh tế trọng điểm, đặc biệt là rà soát quy hoạch phát triển đô thị, các hành lang kinh tế, các khu công nghiệp, hệ thống cảng biển... Rà soát quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh nhằm điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình phát triển mới. Sau khi tiến hành rà soát các quy hoạch tổng thể, các ngành, các địa phương cần triển khai sớm các quy hoạch chi tiết, bảo đảm thông báo kịp thời các quy hoạch tới cơ sở và người dân.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan triển khai các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm.

Các Bộ, ngành Trung ương có trách nhiệm phối hợp, giúp đỡ các tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong quá trình rà soát, tổ chức thực hiện các chương trình và dự án đã đề ra, đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch từng tỉnh, thành phố với quy hoạch vùng và cả nước.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo

và thay thế Quyết định số 44/1998/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam giai đoạn từ nay đến năm 2010.

Điều 7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 148/2004/QĐ-TTg ngày 13/8/2004 về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 7349/BKH-CLPT ngày 01 tháng 12 năm 2003,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 thực hiện đối với 5 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định nhằm phát huy tiềm năng, vị trí địa lý và các lợi thế so sánh của vùng, từng bước phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung thành một trong những vùng phát triển năng động của cả nước, bảo đảm vai trò hạt nhân tăng trưởng và thúc đẩy phát triển khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Điều 2. Mục tiêu phát triển chủ yếu.

1. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2006 - 2010 đạt khoảng 1,2 lần, giai đoạn 2011 - 2020 đạt khoảng 1,25 lần tốc độ tăng trưởng bình quân cả nước. Tăng tỷ lệ đóng góp của vùng trong GDP của cả nước từ 5% hiện nay lên khoảng 5,5% vào năm 2010 và 6,5% vào năm 2020.

2. Tăng giá trị xuất khẩu bình quân đầu người/năm từ 149 đô la Mỹ năm 2005 lên 375 đô la Mỹ năm 2010 và 2.530 đô la Mỹ năm 2020.

3. Tăng mức đóng góp của vùng trong thu ngân sách của cả nước từ 4,6% năm 2005 lên 6% năm 2010 và 7% năm 2020.

4. Đẩy nhanh tốc độ đổi mới công nghệ đạt bình quân 20%/năm trong tiến trình

hiện đại hóa, nâng cao dân tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2010 đạt khoảng 50%.

5. Phấn đấu đến năm 2010 đạt tỷ lệ đô thị hóa của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là 40%. Giảm và giữ không tăng tỷ lệ lao động không có việc làm xuống 5% và tiếp tục kiểm soát dưới mức an toàn cho phép là 4% đến năm 2020, phấn đấu mỗi năm giải quyết hơn 60 - 70 nghìn chỗ làm việc mới.

6. Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 15,5% năm 2005 xuống dưới 8,8% năm 2010 và khoảng 2% năm 2020.

7. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội và môi trường bền vững ở đô thị và nông thôn.

Điều 3. Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu thúc đẩy phát triển các ngành và lĩnh vực then chốt.

1. Nhiệm vụ mới có tính đột phá.

- Đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng các Khu kinh tế mở Chu Lai (tỉnh Quảng Nam), khu kinh tế Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi) và khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên - Huế), quy hoạch xây dựng khu kinh tế Nhơn Hội (tỉnh Bình Định) để sau năm 2010 các khu kinh tế này từng bước trở thành những hạt nhân, trung tâm phát triển của vùng.

- Đẩy mạnh vai trò trung tâm thương mại, dịch vụ và giao dịch quốc tế của thành phố Đà Nẵng, Huế, Quy Nhơn để

đảm nhận chức năng thương mại, dịch vụ và giao dịch, trung tâm du lịch của cả khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

- Hình thành các trung tâm du lịch là: Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn và vùng phụ cận miền Trung và Tây Nguyên.

- Hoàn thành việc xây dựng các công trình lớn về kết cấu hạ tầng để gắn kết khu vực này với các vùng lân cận, góp phần thực hiện chương trình hành lang Đông - Tây của tiểu vùng Mê Kông mở rộng, gắn với nhiệm vụ phát triển khu tam giác biên giới ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia; trong đó, Đà Nẵng có vai trò là điểm trung tâm của khu vực. Hoàn thành xây dựng đường hầm qua đèo Hải Vân và đường tránh phía Tây qua thành phố Huế; hoàn thành trước năm 2007 tuyến đường cao tốc Đà Nẵng - Chu Lai - Quảng Ngãi, Đà Nẵng - Huế - Quảng Trị (trong đường cao tốc Bắc Nam).

- Hình thành trung tâm đào tạo đa ngành chất lượng cao ở Huế.

Đối với thành phố Đà Nẵng: từng bước đầu tư xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành thành phố biển - trung tâm của miền Trung có quy mô dân số khoảng 1 triệu người vào năm 2010 và gần 2 triệu người vào năm 2020, với các nhiệm vụ cơ bản như: trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ của miền Trung; thành phố cảng, đầu mối giao thông quan trọng (cảng biển, sân bay quốc tế, giao thông xuyên Việt,

xuyên Á) về trung chuyển và vận tải quốc tế của miền Trung, Tây Nguyên và các nước khu vực sông Mê Kông; xây dựng khu sinh dưỡng công nghiệp (nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, công nghệ cho các xí nghiệp công nghiệp) trung tâm tài chính, ngân hàng, chứng khoán và bưu chính viễn thông của khu vực miền Trung; một trong những trung tâm văn hóa, giáo dục, đào tạo, trung tâm khoa học công nghệ của miền Trung; một trong những địa bàn giữ vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Ngoài Đà Nẵng thực hiện đầu tư phát triển các đô thị khác như xây dựng Huế trở thành thành phố Festival, thành phố Quy Nhơn thành đô thị trung tâm phía Nam của vùng và các đô thị Hội An, Tam Kỳ, Quảng Ngãi theo hướng hình thành các trung tâm đô thị hiện đại, văn minh.

Đối với khu kinh tế mở Chu Lai (tỉnh Quảng Nam): xây dựng và phát triển khu kinh tế mở Chu Lai nhằm thử nghiệm các thể chế, chính sách mới, tạo môi trường đầu tư, phù hợp các thông lệ quốc tế cho các loại hình kinh doanh của các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, qua đó có thêm kinh nghiệm cho hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

Áp dụng các mô hình động lực mới cho phát triển kinh tế, khắc phục những yếu kém và ách tắc trong chính sách và cơ chế quản lý kinh tế hiện hành trong khi chưa có điều kiện thực hiện trên phạm vi cả nước.

Phát triển khu kinh tế mở Chu Lai theo mô hình “khu trong khu” bao gồm các khu vực chủ yếu là: Khu thương mại tự do gắn với một phần cảng Kỳ Hà. Hoạt động của khu này gồm các hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu và hàng phục vụ tại chỗ, thương mại hàng hóa, các hoạt động dịch vụ, xúc tiến thương mại; các khu công nghiệp; các khu giải trí đặc biệt, khu vực dành cho du lịch; khu dân cư hành chính.

Đối với khu kinh tế Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi): đã được quy hoạch trên diện tích 10.300 ha, đảm bảo vận hành có hiệu quả tổ hợp lọc hóa dầu, hoàn chỉnh các hạng mục hạ tầng căn bản.

Đẩy nhanh sự hình thành và phát triển khu kinh tế làm động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa miền Trung và cả nước. Xây dựng và phát triển khu kinh tế Dung Quất trở thành một khu kinh tế tổng hợp đa ngành với các chính sách ưu đãi, khuyến khích, ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài yên tâm đầu tư vốn vào phát triển sản xuất kinh doanh trong khung pháp lý hiện hành và ngày càng hoàn thiện. Phát triển công nghiệp lọc dầu - hóa dầu - hóa chất. Từng bước phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, đóng sửa chữa tàu biển, luyện cán thép, sản xuất xi măng, sản xuất container...; sản xuất hàng tiêu dùng. Thu hút đầu tư và các doanh nghiệp vào kinh doanh, sản xuất trong các khu công nghiệp Bình

Chánh, Bình Đông. Đẩy nhanh các hạng mục trong dự án cảng Dung Quất với 10 bến cảng dầu khí, khu cảng tổng hợp, đê chắn sóng, đê chắn cát. Phát triển hệ thống giao thông liên khu, giao thông liên vùng để phát huy vai trò của cảng Dung Quất. Tổ chức giải phóng mặt bằng, sắp xếp lại các khu dân cư, khu tái định cư. Tập trung đầu tư công trình thủy lợi lớn hồ chứa nước, cung ứng nước cho khu công nghiệp Dung Quất. Xây dựng trung tâm thương mại, phát triển du lịch. Phát triển các lĩnh vực xã hội, công cộng: xây dựng bệnh viện 300 giường. Hoàn thành trường đào tạo lao động kỹ thuật 1.000 học viên/năm. Xây dựng trường mẫu giáo, nhà trẻ, trường phổ thông cơ sở, trường trung học phổ thông Vạn Tường. Xây dựng các cơ sở phục vụ cho văn hóa, thể thao. Hình thành và phát triển đô thị Vạn Tường và đô thị Dốc Sỏi. Xây dựng đô thị Vạn Tường có quy mô 12 vạn dân với các chức năng là đô thị công nghiệp, dịch vụ, du lịch. Đô thị Dốc Sỏi giữ vai trò phụ trợ cho cụm công nghiệp phía Tây và là một trong những điểm nút giao thông (đường bộ, đường sắt ra cảng và nhà máy lọc dầu).

Đối với khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên - Huế): trước mắt, tập trung phát triển khu vực thương mại Chân Mây có diện tích khoảng 1.000 ha gắn với phát triển cảng Chân Mây theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về khu khuyến khích phát triển kinh tế -

thương mại. Trong giai đoạn 2006 - 2010 xây dựng trung tâm thông tin quốc tế, cùng hệ thống dịch vụ như dịch vụ thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng và các ngành nghề khác với trình độ và văn minh thương mại cao. Từng bước phát triển khu công nghiệp Chân Mây và thành phố mới Chân Mây.

Khu kinh tế tổng hợp Nhơn Hội (tỉnh Bình Định): với diện tích khoảng 10 nghìn ha nằm độc lập với đất liền, trong tương lai sẽ phát triển thành khu kinh tế tổng hợp Nhơn Hội, tạo thêm động lực với vị trí hạt nhân làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Diện tích xây dựng khoảng 5.000 ha được quy hoạch như sau: khu công nghiệp tập trung khoảng 1.000 ha với các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp vật liệu xây dựng, cơ khí đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, hóa dầu, điện tử và vật liệu điện, công nghiệp dệt, da, may mặc xuất khẩu, xây dựng tổng kho trung chuyển... Khu đô thị mới Nhơn Hội với diện tích khoảng 500 ha, dự kiến quy mô dân số vào năm 2010 khoảng 80 nghìn dân. Khu đô thị mới này được xây dựng theo hướng đô thị hiện đại hướng biển. Khu cảng nước sâu và các công trình dịch vụ cảng khoảng 450 ha. Khu du lịch Nhơn Hội được xây dựng khoảng 500 ha. Diện tích còn lại là để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khu kinh tế tổng hợp.

2. Về điều chỉnh quy hoạch.

a) Về công nghiệp.

- Chuyển đổi cơ cấu sản phẩm công nghiệp theo hướng hình thành những sản phẩm công nghiệp chế biến chủ lực: công nghiệp lọc hóa dầu; công nghiệp chế biến thủy sản; công nghiệp cơ khí, điện tử; công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp vật liệu xây dựng... với trình độ công nghệ hiện đại, năng suất và chất lượng cao đảm bảo năng lực cạnh tranh của sản phẩm... Phát triển công nghiệp hỗ trợ để nâng cao giá trị quốc gia trong các sản phẩm thế mạnh trong vùng.

- Từ nay đến 2010, tập trung đầu tư hoàn chỉnh và khai thác có hiệu quả các khu công nghiệp đã và đang được triển khai xây dựng với tổng diện tích khoảng 2.200 ha.

b) Về du lịch và các dịch vụ khác.

- Tăng cường đầu tư và quảng bá phát triển du lịch. Phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, các điểm giàu tính lịch sử, văn hóa để phát triển du lịch thành một trong những ngành kinh tế chủ lực. Sớm hình thành các khu du lịch tổng hợp giải trí thể thao biển Cảnh Dương - Hải Vân - Non Nước làm trọng điểm phát triển du lịch trong khu vực góp phần hình thành trung tâm dịch vụ lớn của khu vực và cả nước. Phối hợp giữa các tỉnh trong vùng nhằm hình thành một mạng lưới không gian du lịch trong vùng du lịch miền Trung và cả nước, gắn du lịch trong vùng với các tuyến du lịch của hành lang Đông - Tây và của cả nước.

- Đẩy mạnh vai trò trung tâm thương mại và giao dịch quốc tế của thành phố Đà Nẵng, Huế, Quy Nhơn để đảm nhận chức năng dịch vụ thương mại của cả khu vực miền Trung và Tây Nguyên và là cửa ngõ cho phát triển hành lang Đông - Tây.

- Phát triển các dịch vụ chất lượng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục... để vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trở thành một trong những trung tâm dịch vụ lớn của cả nước và quốc tế.

c) Về nông, lâm, thủy sản.

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và thủy sản theo hướng tăng cường khả năng phòng tránh thiên tai, phát triển nông nghiệp bền vững, phát triển nông nghiệp kết hợp với lâm nghiệp vườn đồi tạo cảnh quan, môi trường cho du lịch.

- Bố trí lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho phù hợp tự nhiên, địa hình để nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích canh tác, tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa nông sản.

- Rà soát quy hoạch và đầu tư khai thác tiềm năng đất đai, nước ngầm một cách hợp lý trong xây dựng các vùng nuôi trồng thủy sản trên vùng đất cát ven biển, bảo đảm phát triển sản xuất bền vững gắn với bảo vệ môi trường. Nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ, phát triển nuôi trồng thủy sản ở vùng có điều kiện phục vụ nhu cầu sản xuất, đời sống và xuất khẩu.

d) Phát triển kết cấu hạ tầng.

Đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng theo hướng hình thành bộ khung kết cấu hạ tầng để phát triển kinh tế - xã hội, sớm hoàn thành xây dựng các công trình đường bộ, cảng biển.

- *Giao thông đường bộ*, đảm bảo thông suốt, thuận lợi trong mọi tình huống, gắn kết vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với các vùng, các địa phương trong cả nước, giữa các tỉnh trong vùng; đường nối liền các cảng biển, sân bay, đô thị ven biển với các huyện phía Tây và với đường Hồ Chí Minh. Đảm bảo kết nối giao thông đường bộ giữa vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với các quốc gia trong khu vực trong chương trình phát triển tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS).

Nâng cấp đường 19 và các tuyến đường ngang từ đường 19 nối với các khu công nghiệp, các vùng nông nghiệp và khu dịch vụ. Trước mắt, cải tạo nâng cấp đoạn Km 5 + 500 đến Km 11 (ngã ba Ông Thọ - thị trấn Tuy Phước) thành đường cấp III đồng bằng. Xây dựng hoàn chỉnh trước năm 2007 tuyến đường ngang nối từ đường Hồ Chí Minh xuống quốc lộ 1A, qua Trà My (Quảng Nam), xuống Tam Kỳ và qua Trà Bồng (Quảng Ngãi) xuống khu kinh tế Dung Quất. Xây dựng hoàn chỉnh trước năm 2010 tuyến đường ven biển từ Đà Nẵng qua Hội An, khu kinh tế mở Chu Lai, khu kinh tế Dung Quất đến Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) để vừa phát triển kinh tế - xã hội vùng

đọc ven biển, vừa gắn với quốc phòng - an ninh, đồng thời nâng cao đời sống người dân. Hoàn thành Dự án xây dựng đường hầm qua đèo Hải Vân vào năm 2005 và hoàn chỉnh hệ thống giao thông đường bộ trước năm 2007. Tiếp tục xây dựng mạng lưới đường nông thôn liên huyện, liên xã, liên thôn xóm bằng nhiều nguồn vốn ngân sách kết hợp với huy động trong dân. Phấn đấu đến năm 2005, 100% số huyện có đường bê tông trải nhựa đến trung tâm huyện lỵ; đến năm 2008, 100% xã miền núi có đường ô tô đến trung tâm xã.

- *Đường sắt*: nâng cấp và đưa các đoạn đường sắt Thống Nhất chạy qua các thị xã, thành phố ra bên ngoài song song với các đường bộ. Xây dựng các cầu vượt, cầu dân sinh ở các đoạn có đường bộ cắt ngang đường sắt. Đầu tư, hiện đại hóa hệ thống ga đường sắt trên địa bàn. Đầu tư các tuyến đường sắt chuyên dụng gắn các cảng biển với hệ thống đường sắt quốc gia.

- *Cảng biển*: phát triển hệ thống cảng biển cùng với hệ thống hạ tầng khác trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Cải tạo nâng cấp cảng Tiên Sa, đưa năng lực thông qua lên 4 triệu tấn/năm vào năm 2010. Từ nay đến 2010, xây dựng mới cảng nước sâu Liên Chiểu (giai đoạn I) có công suất 2 triệu tấn/năm và tiếp tục giai đoạn II nâng công suất lên 8,5 triệu tấn/năm cho thời kỳ tiếp theo. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cảng Dung Quất, Kỳ Hà, Quy Nhơn sớm

đi vào khai thác ở quy mô lớn vào năm 2005 là điều kiện quan trọng để đảm bảo phát triển khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế mở Chu Lai, khu kinh tế Nhơn Hội. Cảng Quy Nhơn (Bình Định) công suất hiện tại đạt trên 2,5 triệu tấn. Dự kiến đến năm 2010 tăng thêm bốn bảo đảm lượng hàng thông qua khoảng 4 triệu tấn/năm. Phấn đấu đến 2010 hoàn chỉnh xây dựng các cảng này đảm bảo cho sự phát triển mạnh của các khu kinh tế trong giai đoạn tiếp theo. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cảng Chân Mây Quy Nhơn đảm bảo phát triển thành công khu khuyến khích phát triển thương mại Chân Mây, khu kinh tế Nhơn Hội là những hạt nhân quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Thừa Thiên - Huế, Bình Định nói riêng và toàn vùng nói chung.

- *Sân bay*: đầu tư phục hồi và nâng cấp sân bay Chu Lai giai đoạn I phục vụ khoảng 0,5 triệu lượt hành khách và khoảng 500 tấn hàng hóa/năm đáp ứng nhu cầu giao thương cho phát triển của các khu kinh tế mở Chu Lai và khu kinh tế Dung Quất. Hướng lâu dài xây dựng thành sân bay quốc tế trung chuyển của vùng và khu vực. Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp và mở rộng sân bay Đà Nẵng để thực sự xứng đáng là sân bay quốc tế của miền Trung. Nâng cấp và khai thác có hiệu quả các sân bay đang hoạt động thường xuyên như sân bay Đà Nẵng, Phú Bài, Phù Cát.

- *Bưu chính - viễn thông*: đẩy mạnh

hơn nữa việc xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thông tin của khu vực có công nghệ hiện đại, thông lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao, hoạt động hiệu quả, an toàn tạo điều kiện đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội cũng như an ninh quốc phòng của khu vực. Mật độ điện thoại bình quân từ 5,64 máy/100 dân hiện nay (năm 2002) lên 20 - 22 máy/100 dân vào năm 2010. Hệ thống truyền dẫn tiếp tục được cáp quang hóa và ngầm hóa các tuyến còn lại, giảm tối đa dây cáp đồng.

- *Cấp điện:* trong giai đoạn từ nay đến năm 2010 tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống truyền tải điện, đảm bảo cung cấp đủ năng lượng điện cho các hoạt động kinh tế - xã hội của vùng. Xây dựng và nâng cao chất lượng của mạng 220 KV trên địa bàn bao gồm cả đường dây và hệ thống các trạm biến áp. Đầu tư xây dựng các tuyến trục 220 KV Đà Nẵng - Dung Quất, Đà Nẵng - Thành Mỹ. Xây dựng đường dây 500 KV Đà Nẵng - Dung Quất - Plâyku. Triển khai đầu tư xây dựng thủy điện Dakring 100 MW; thủy điện Dakre 30 MW, thủy điện Nước Trong 10 MW. Triển khai xây dựng một số nhà máy thủy điện độc lập nằm trên thượng nguồn sông Trà Khúc. Cải tạo và mở rộng mạng lưới điện phân phối trong vùng.

- *Cấp, thoát nước và thủy lợi:* từ nay đến 2010 hoàn thành dứt điểm các dự án cấp nước đô thị. Chuẩn bị giai đoạn II các

dự án thoát nước ở Đà Nẵng, Huế, Quy Nhơn và thị xã Quảng Ngãi. Hoàn thành đúng tiến độ các dự án cấp nước cho các khu công nghiệp, khu kinh tế. Kiểm soát chặt chẽ việc đầu tư xây dựng các công trình thoát nước công nghiệp và xử lý nước thải công nghiệp ở các khu công nghiệp, khu kinh tế.

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, chú trọng phát triển thủy lợi, xây dựng các hồ chứa lớn, vừa và nhỏ, gắn với bố trí lại cơ cấu mùa vụ, cây trồng, khắc phục cơ bản hạn hán về mùa khô. Hoàn thành các dự án khôi phục hệ thống thủy lợi chống lũ; phát triển các công trình thủy lợi kết hợp với phòng tránh lũ như hồ Tả Trạch (Thừa Thiên - Huế); A Vương, Phú Ninh (Quảng Nam); Nước Trong, Thạch Nham, mở rộng thêm hồ Chóp Vung, Núi Ngang và chống ngập úng ở lưu vực sông Thoa (Quảng Ngãi); hồ Định Bình (Bình Định)... Ngoài ra, tiếp tục nghiên cứu giải quyết hạn hán ở vùng sông Hương 12.000 ha; vùng Quế Sơn (Quảng Nam) 3.000 ha; vùng Đức Phổ (Quảng Ngãi) 2.000 ha; Bắc Bình Định 2.000 ha, Nam Bình Định 8.000 ha.

- *Bảo vệ môi trường:* xây dựng chính sách và biện pháp đồng bộ để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường một cách chủ động và có hiệu quả. Thành lập quỹ hỗ trợ ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm. Xây dựng quy chế và kiểm tra nghiêm ngặt bảo vệ môi trường và giữ gìn cảnh quan thiên nhiên. Đặc biệt chú ý bảo vệ môi trường khu công nghiệp, đô thị; bảo

vệ môi trường ven biển. Chú trọng tới việc phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai.

đ) Phát triển lĩnh vực văn hóa - xã hội và y tế.

Phát huy giá trị các hoạt động văn hóa truyền thống trong vùng, tiếp tục đầu tư nhằm bảo vệ các di tích lịch sử, văn hóa và cách mạng, trước hết là những di sản văn hóa thế giới như Huế, Hội An, Mỹ Sơn. Xây dựng Huế trở thành thành phố Festival, mang bản sắc lễ hội truyền thống, gắn với sinh hoạt văn hóa cộng đồng của Việt Nam và tạo điều kiện hội nhập với các dân tộc trên thế giới. Nâng cấp các nhà văn hóa khu vực, phục vụ nhu cầu văn hóa ngày càng nâng cao của cộng đồng.

Thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu; thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của chương trình quốc gia về phòng, chống bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm.

Tăng cường trang, thiết bị kỹ thuật cho hệ thống phòng bệnh, khám chữa bệnh từ cấp xã, phường đến tuyến tỉnh theo hướng chăm sóc y tế ở cấp xã, huyện và từng bước chuyên sâu y tế cấp tỉnh. Mở rộng đào tạo cán bộ y tế và có chính sách khuyến khích bác sĩ và cán bộ về cơ sở (tuyến xã).

3. Cơ chế, chính sách phát triển.

a) Về đầu tư: thực hiện tốt các cơ chế, chính sách ưu tiên đã ban hành và áp dụng cho các khu kinh tế mở Chu Lai

(ban hành theo Quyết định số 108/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2003); áp dụng thêm những chính sách ưu đãi cho khu kinh tế Dung Quất và khu kinh tế Nhơn Hội. Áp dụng các cơ chế, chính sách ưu tiên cho khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại Chân Mây. Nghiên cứu những chính sách cụ thể về quản lý đất đai (đảm bảo sử dụng hợp lý) cho việc đổi đất lấy hạ tầng. Nghiên cứu vận dụng và hoàn thiện hệ thống chính sách tài chính nhằm xúc tiến và thu hút đầu tư cho phát triển các khu công nghiệp trên cơ sở Quy chế quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất ban hành theo Nghị định số 36/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ.

b) Cơ chế, chính sách phát triển doanh nghiệp.

Đẩy mạnh cải cách hành chính tạo điều kiện thông thoáng nhằm hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp trên địa bàn; tạo dựng môi trường sản xuất kinh doanh rõ ràng, thống nhất, cạnh tranh bình đẳng không phân biệt thành phần kinh tế. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 3 về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn. Đẩy mạnh công tác xúc tiến doanh nghiệp vừa và nhỏ theo tinh thần Nghị định số 90/2001/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nghiên cứu quy hoạch và hỗ trợ đầu tư hình thành những cụm công nghiệp tạo điều kiện cho các

doanh nghiệp vừa và nhỏ có điều kiện sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

c) Chính sách phát triển khoa học công nghệ.

Sắp xếp và củng cố (đầu tư chiều sâu) hệ thống các trường Đại học, các cơ sở nghiên cứu khoa học trên địa bàn theo hướng cơ cấu lại hệ thống ngành nghề đào tạo, nghiên cứu. Hình thành những tổ chức kết nối giữa các trường đào tạo, các trung tâm nghiên cứu với các hoạt động kinh tế trên địa bàn, đặc biệt là trong nghiên cứu chuyển giao công nghệ. Gắn các hoạt động nghiên cứu với các hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn. Phối hợp với các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ, đào tạo ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh trong việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ.

Điều 4. Phát triển nguồn nhân lực.

1. Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao.

Đầu tư theo các bước đi thích hợp để các đại học vùng ở Đà Nẵng, Huế trở thành cơ sở đào tạo đa ngành, trung tâm nghiên cứu khoa học hướng vào phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung. Từng bước nâng cấp các trường đại học của vùng theo quy hoạch mạng lưới các trường đại học đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Xây dựng trường Đại học Phạm Văn Đồng (Quảng Ngãi) vào năm 2010.

2. Đào tạo lực lượng lao động lành nghề.

Phấn đấu đến năm 2005, tỷ lệ số lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề và hướng nghiệp là 13 - 15% và đến năm 2010 đạt 18 - 20%. Mở rộng quy mô và chất lượng giáo dục chuyên nghiệp theo 2 hướng: mở rộng quy mô ngành nghề phổ cập để đáp ứng nhu cầu học nghề trong xã hội; đào tạo chất lượng cán bộ kỹ thuật có trình độ cao, đào tạo công nhân lành nghề bậc cao trong các trường trọng điểm; kết hợp chặt chẽ giữa phổ thông và chuyên nghiệp, dạy nghề để đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề. Tiến hành quy hoạch, sắp xếp hệ thống mạng lưới trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề trên địa bàn phù hợp với yêu cầu cơ cấu nhân lực và phát triển kinh tế vùng. Xây dựng một số trung tâm dạy nghề kỹ thuật cao nhằm đào tạo công nhân kỹ thuật cho các khu công nghiệp. Trước mắt, xây dựng trường dạy nghề Dung Quất, trường dạy nghề kỹ thuật cao do Chính phủ Hàn Quốc tài trợ tại Quảng Ngãi.

Điều 5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân thuộc các tỉnh, thành phố vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi thực hiện phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung một cách chặt chẽ, xây dựng kế hoạch 5 năm, hàng năm, chương trình và dự án đầu tư phát triển phù hợp.

Ban Điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư kết hợp các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các địa phương tiến hành rà soát lại quy hoạch phát triển trên toàn địa bàn một cách thiết thực và có hiệu lực cao. Trước hết, tập trung sức rà soát lại quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng kinh tế trọng điểm, đặc biệt là rà soát quy hoạch phát triển đô thị, các hành lang kinh tế, các khu công nghiệp, hệ thống cảng biển...

Rà soát quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh nhằm điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình phát triển mới. Sau khi tiến hành rà soát các quy hoạch tổng thể, các ngành, các địa phương cần triển khai sớm các quy hoạch chi tiết, đảm bảo thông báo kịp thời các quy hoạch các cấp và mọi người dân.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan triển khai các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm.

Các Bộ, ngành Trung ương có trách nhiệm phối hợp, giúp đỡ các tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trong quá trình rà soát, tổ chức thực hiện các chương trình và dự án đã đề ra, đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch từng tỉnh, thành phố với quy hoạch vùng và cả nước.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 1018/1997/

QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung giai đoạn từ nay đến năm 2010.

Điều 7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

096386669